

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ngô Xuân Hoàng^{1*}, Vũ Thị Quý²

¹Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật – ĐH Thái Nguyên; ²Trường Đại học Nông lâm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ chiến lược đảm bảo thực hiện thành công đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu nỗ lực to lớn của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị và sự tham gia của cả xã hội.

Sau hơn 20 năm chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam đã chủ động khai thác và phát huy các lợi thế, tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, đất đai, lao động và các điều kiện thuận lợi khác để đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp sinh thái, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững với nhiều vùng chuyên canh, sản xuất ra nhiều nông sản hàng hoá xuất khẩu có giá trị kinh tế cao như: gạo, cao su, cà phê, hạt điều, tiêu, chè, lâm sản, thủy sản... Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, đời sống người dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn thay đổi đáng kể.

Với quyết tâm cao, với thế và lực mới của đất nước, nhất định Đảng và Nhà nước ta sẽ lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra, đáp ứng mong đợi và củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội XHCN.

Từ khóa: Vấn đề, lý luận và thực tiễn, phát triển, nông thôn, Việt Nam

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nông nghiệp và nông thôn

Nông thôn là một khái niệm chỉ vùng (khu vực) hành chính bên ngoài thành thị, đối lập với nó là thành phố, thị xã; là khu vực lãnh thổ rộng lớn ngoài thành phố. Không gian nông thôn trong tiếng Anh là “Rural area” (còn gọi country hay country site).

Trong không gian nông thôn bao gồm các điểm dân cư sinh sống, cùng với các ngôi nhà, cái sân, mảnh vườn, các diện tích công năng, các cơ sở hạ tầng như đường xá giao thông, công viên, khuôn viên, quảng trường, hệ thống cung ứng điện nước, hệ thống tiêu thoát nước thải, rác thải, các điểm phục vụ cho hoạt động công ích (trường học, trạm xá, câu lạc bộ, sân thể thao,...), các điểm mang tính chất tôn giáo (đền, chùa, miếu, nhà thờ, nghĩa trang,...), các điểm phục vụ cho kinh tế – xã hội (bưu điện, nhà bảo tàng, triển lãm, chợ,...), diện tích và khoảng không dành cho nghỉ ngơi, giải trí và tĩnh dưỡng cũng như các diện tích đặc chủng khác.

Không gian nông thôn không đồng nghĩa với việc sản xuất nông nghiệp mà rộng hơn. Nó đảm nhận nhiều chức năng đối với xã hội. Đó là những chức năng cơ bản nhất như: *sản xuất lương thực, thực phẩm cho đến cấp nước ngọt tới các đô thị, cung cấp nông lâm, thủy hải sản và nhiều tài nguyên khác, cho đến cung ứng các khoảng không quý hiếm phục vụ cho nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái. Cuối cùng thì không gian nông thôn trong xu thế mới còn là nơi thường trú của tiểu bộ phận cư dân đô thị cùng chung sống với cư dân nông thôn.* Theo Riedel (1998) thì không gian nông thôn thực hiện các chức năng sau: *Chức năng định cư; Chức năng sản xuất nông nghiệp; Chức năng sinh thái; Chức năng nghỉ dưỡng; Chức năng dịch vụ cho các ngành.*

Phát triển nông thôn

Khái niệm về phát triển nông thôn rất rộng và đa dạng, thay đổi theo từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế và tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế xã hội của từng quốc gia.

+ Khái niệm phát triển nông thôn gắn liền với khái niệm phát triển nông nghiệp, mục tiêu chính của phát triển nông thôn là phát triển sản xuất nông nghiệp để qua đó tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho cư dân nông thôn.

* Tel: 0912140868

Quan niệm này đã đưa đến sự thành công của cuộc “*Cách mạng xanh*” và rất lạc quan sau khi giải quyết một bước về vấn đề an ninh lương thực trong thập kỷ 60. Có thể nói, phát triển nông thôn giai đoạn này đồng nghĩa với hiện đại hoá sản xuất và đời sống cho cư dân nông thôn.

+ Ngân hàng Thế giới định nghĩa: Phát triển nông thôn là việc cải thiện mức sống của một số đông người có mức thu nhập thấp đang sinh sống ở vùng nông thôn nhằm tạo nên tiến trình phát triển nông thôn một cách tự giác và ổn định. Định nghĩa này là sự kế thừa chiến lược hoạt động cho vay vốn trên quy mô các quốc gia, với sự đảm bảo đem lại nhiều lợi ích kinh tế nhất cho các nước này.

+ Đối với các nước đang phát triển, quan điểm phát triển nông thôn đa chức năng nhấn mạnh vào khía cạnh phát triển vững bền, phát triển tổng hợp cả kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, môi trường... nông thôn. Theo định nghĩa của Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (WCED) thì “*phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”. Nhìn chung, người ta thống nhất về cơ bản 3 mục tiêu lớn nhất đối với phát triển nông thôn, đó là:

- (1) Đảm bảo sự tăng trưởng về kinh tế, nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn.
- (2) Tăng phúc lợi xã hội, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần cho cộng đồng người dân nông thôn.
- (3) Duy trì sự đứng vững của nông thôn, bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong những điều kiện quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra nhanh.

Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu cơ bản này, nội dung phát triển nông thôn có thể thay đổi theo từng thời kỳ, giai đoạn phát triển ở mỗi quốc gia. Trong những nước nghèo hơn, mục tiêu phát triển nông thôn nghiêng nhiều về bảo đảm an ninh lương thực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thiết lập cơ sở hạ tầng ban đầu. Trong khi ở các nước phát triển và những nơi quá trình CNH diễn ra mạnh mẽ, những cố gắng của Chính phủ tập trung nhiều ở các nội dung hỗ trợ cho nông thôn đứng

vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sự phát triển bất bình đẳng giữa các vùng...

VAI TRÒ CỦA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NƯỚC TA

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nông nghiệp đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; xuất khẩu nông sản đem lại nguồn ngoại tệ quan trọng cho nền kinh tế; tạo việc làm và thu nhập cho đa số người dân. Nông thôn là môi trường sống của đa số nhân dân, là địa bàn hoạt động sản xuất nông nghiệp, nơi bảo tồn và phát triển các truyền thống văn hoá dân tộc. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân là nhiệm vụ chiến lược, là cơ sở để đảm bảo ổn định tình hình chính trị – xã hội, bảo đảm sự phát triển hài hoà và bền vững theo định hướng XHCN của nền kinh tế cả nước và của từng vùng lãnh thổ.

Sau hơn 20 năm chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam đã chủ động khai thác và phát huy các lợi thế, tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, đất đai, lao động và các điều kiện thuận lợi khác để đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp sinh thái, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững với nhiều vùng chuyên canh, sản xuất ra nhiều nông sản hàng hoá xuất khẩu có giá trị kinh tế cao như: gạo, cao su, cà phê, hạt điều, tiêu, chè, lâm sản, thủy sản... Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, đời sống người dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn thay đổi đáng kể.

Đạt được những thành tựu đó là do có sự tập trung lãnh đạo về mọi mặt của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận nông nghiệp và phát triển nông thôn, có sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ giữa các Bộ, Ban ngành Trung ương với các cấp chính quyền địa phương, trong đó hệ thống chính sách đầu tư và huy động vốn của Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp này. Vốn

đầu tư của Nhà nước, vốn của các tổ chức trong và ngoài nước, vốn của người dân được huy động một cách tích cực vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, xoá đói giảm nghèo... Hoạt động tài chính và huy động vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn ngày càng được xã hội hoá với nhiều thành phần kinh tế, nhiều tổ chức xã hội cùng tham gia. Từ sự phát triển của nông nghiệp bức tranh về xã hội nông thôn đã có những gam màu tươi sáng.

Tuy nhiên cho đến nay, Việt Nam về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp, chưa thoát khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển, 73,7% dân số sống ở nông thôn với 13,26 triệu hộ, trong đó có 11 triệu hộ chuyên sản xuất nông nghiệp và 67% lực lượng lao động xã hội làm việc trong ngành nông nghiệp, nông nghiệp vẫn còn chiếm tới trên 20% GDP của cả nước. Sức cạnh tranh của cả ngành, của phần lớn các doanh nghiệp nông nghiệp và của hàng hoá nông sản xuất khẩu của nước ta còn nhiều bất cập cả về số lượng, về chất lượng, mẫu mã, chủng loại và giá cả, kinh nghiệm và uy tín thương mại trên thị trường thế giới. Tốc độ hội nhập kinh tế của Việt Nam còn khá khiêm tốn. Xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam qua các năm rất thấp: Năm 1997 xếp thứ 49/53 nước so sánh, năm 2000 xếp thứ 65/80, năm 2004 xếp thứ 77 trong số 102 nước so sánh.

Hiện nay khi nước ta đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), sản xuất nông nghiệp và nông sản hàng hoá của Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội, đồng thời cũng đang đứng trước những khó khăn thách thức. Để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn thì việc xây dựng nông thôn mới là vấn đề cấp bách. Xây dựng nông thôn mới là một tiến trình cải biến tình hình nông thôn hiện nay ngày càng phát triển vươn tới văn minh thời đại. Tức là nâng cao đời sống người dân không những chỉ tập trung vào việc tăng cường sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển mạnh sản xuất phi nông nghiệp mà còn nâng cao phúc lợi, cải thiện môi trường sống cả về chính trị – xã hội và môi trường sinh thái.

MỘT SỐ THÀNH TỰU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA

Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là thủy lợi, giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, làm thay đổi bộ mặt nông thôn

Thủy lợi phát triển theo hướng đa mục tiêu góp phần quan trọng phát triển sản xuất nông nghiệp. Giai đoạn 2001-2005, năng lực tưới đã tăng thêm 575 ngàn ha, năng lực tiêu tăng thêm 235 ngàn ha đưa tổng diện tích lúa được tưới của cả nước đạt khoảng 83%, cà phê 50%, rau màu 20%. Hệ thống quản lý, vận hành hệ thống thủy lợi được củng cố và tăng cường năng lực. Vùng ven biển đã tăng cường xây dựng hệ thống các công đập ngăn mặn, giữ nước ngọt, nhiều công trình đã đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng. Bước đầu thực hiện các công trình thủy lợi ven biển phục vụ nuôi trồng thủy sản, gấn ngọt hoá với việc nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và tận dụng và khai thác thủy sản mùa lũ...

Giao thông và điện nông thôn: Nhờ đầu tư ngân sách Nhà nước kết hợp thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nên lĩnh vực này đã có bước phát triển khá nhanh về số lượng. Đến nay, trên phạm vi cả nước có: 96,9% số xã có đường ô tô đến khu trung tâm, trong đó 70% được nhựa hoá, bê tông hoá. Đến nay, điện lưới quốc gia đã cấp điện cho 97,95% số huyện; 96,8% số xã, phường và 93,3% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia.

Nhà ở nông thôn: Đến nay, hầu hết các thôn, bản trong cả nước đều có nhà 2- 3 tầng, sử dụng các thiết bị nội thất như đô thị; nhiều xã, thôn ở nông thôn vùng Đồng bằng Bắc bộ, vùng miền Trung đã cơ bản hoàn thành việc “xóa” nhà tranh tre, nứa lá; vùng ĐBSCL cơ bản hoàn thành việc “xóa” nhà đập, nhà chòi... Nhiều huyện, xã ở miền Bắc và miền Trung đã cơ bản “ngôi hoá” nhà ở. Riêng vùng ĐBSCL, đến nay đã xây dựng 1.100 cụm, tuyến dân cư, đảm bảo bố trí cho khoảng 200 ngàn hộ dân đang sống thường xuyên trong vùng ngập lũ và “sống chung với lũ” khi có lũ lớn.

Trường học, trạm xã và chợ nông thôn: Giai đoạn 2000-2006, đã xây dựng thêm 24.466 phòng học, đang triển khai xây dựng tiếp 14.233 phòng học. Do đó, đến năm 2006 có hơn 40% số trường học được kiên cố hoá; 99,3% số xã có trường tiểu học, 90,8% số xã có trường trung học cơ sở, 10,8% số xã có trường trung học phổ thông; 88,3% số xã có trường mẫu giáo/mầm non, có 54,5% số thôn có lớp mẫu giáo, 16,1% số thôn có nhà trẻ, thu hút các cháu trong độ tuổi được đến lớp. Đến nay cả nước có 45% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Có 9.013 xã có trạm y tế (chiếm 99,3% tổng số xã, tăng 128 xã so với năm 2001). Khu vực nông thôn có 3.964 trạm y tế xã (chiếm 44%) đã được xây dựng kiên cố hoá. Đến năm 2006, có 3348 xã, chiếm 36,9% có cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn xã. Đến nay, hầu hết các huyện, cụm xã và nhiều xã xây dựng được chợ. Riêng địa bàn nông thôn có 6.940 chợ, trong đó 74,9% số chợ đã được nâng cấp.

Thông tin liên lạc: hầu hết các xã trên cả nước đã được chuyển phát báo chí, trong đó có 91% số xã đã có báo đến trong ngày. Tính đến năm 2006 đã lắp được hơn 2.848 tổng đài bưu điện tại vùng nông thôn, 64/64 tỉnh thành có mạng cáp quang; 100% xã có điện thoại cố định, bình quân 6,67 máy/100 dân; có hơn 80.000 thuê bao Internet tại khu vực nông thôn; 85,5% số xã có điểm bưu điện văn hóa.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Đến 2007 có 70% dân cư nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh (trong đó khoảng 30% người dân được dùng nước đạt tiêu chuẩn 09 của Bộ Y tế); 12% số xã có hệ thống thoát nước thải chung; 28% xã có tổ chức thu gom rác thải và 51% người dân nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Văn hoá - thể thao: Cuối năm 2007, cả nước đã có 100% số huyện có Trung tâm văn hoá, thể thao; 38,6% số xã có nhà văn hoá; 36% số thôn (bản, ấp) có nhà văn hoá thôn và điểm vui chơi thể thao; 6,8% số thôn có điểm vui chơi của trẻ em. Có 28.272 câu lạc bộ văn hoá thể thao các loại hình ở khu vực nông thôn.

Đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xoá đói giảm nghèo đạt thành tựu to lớn.

Do sản xuất phát triển, thu nhập tăng, đời sống nông dân ở hầu khắp các vùng được cải thiện rõ rệt. Từ năm 1996 đến nay, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng lên hơn 2,7 lần (năm 2007, bình quân đạt 6,7 triệu đồng/người theo giá hiện hành); thu nhập bình quân 1 hộ nông thôn đạt 26,1 triệu đồng, tăng 11,3 triệu đồng (tăng 75,8% so với năm 2002). Nhờ thu nhập của người dân tăng nên điều kiện sinh hoạt của hộ nông thôn ngày càng được cải thiện, nhất là về nhà ở, mua sắm vật dụng lâu bền, phương tiện đi lại và các vật dụng đắt tiền. Chiến lược xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh với nhiều chương trình (Chương trình 134, Chương trình 135...), chính sách, hình thức hỗ trợ cụ thể, trực tiếp cho các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn. Đến 2007, về cơ bản đã xoá được đói, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn 18% (cả nước là 14,9%), mặc dù chuẩn nghèo đã tăng lên. Đây là thành tựu lớn của nước ta được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công và các đối tượng chính sách, các đối tượng xã hội, được các cấp các ngành quan tâm, có kết quả thiết thực (năm 2005, đã xây dựng và bàn giao được 11.000 nhà tình nghĩa, hơn 81.000 nhà tình thương...). Việc cứu trợ các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh được thực hiện tích cực với quy mô ngày càng lớn hơn. Riêng năm 2007, Chính phủ đã xuất gần 80 ngàn tấn gạo dự trữ quốc gia để cứu trợ các hộ thiếu đói do thiên tai.

Nhà nước đã tăng cường đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao ở nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn, đồng thời thực hiện xã hội hóa ở những vùng có điều kiện.

- *Y tế:* Hầu hết các xã có sở khám bệnh cho người nghèo, nhiều bệnh dịch nguy hiểm được phát hiện, không chế kịp thời. Năm 2006, 36,9% số xã có cơ sở khám chữa bệnh tư nhân; 89,8% số thôn có cán bộ y tế. Tỷ lệ người được khám, chữa bệnh năm 2006 ở khu vực nông thôn là 38,1% (cao gấp 2 lần năm 2002), 51,6% người dân nông thôn có bảo hiểm y tế.

- *Giáo dục*: Đến năm 2006, tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở lên biết chữ ở khu vực nông thôn tăng từ 90,9% năm 2002 lên 92% năm 2006. Từ năm 2007 có chính sách cho con em các hộ nghèo, cận nghèo và hộ chính sách được vay vốn với lãi suất ưu đãi để học tập ở các trường đại học, cao đẳng... (đến tháng 2 năm 2008 có hơn 30% số sinh viên thuộc hộ nghèo được vay vốn).

- *Văn hoá*: Các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao được tăng cường, nâng cao mức hưởng thụ về văn hoá cho nhân dân. Các hình thức như thông tin, cổ động, in và phát hành sách, tài liệu phim ảnh, phát triển thư viện xã, nhà văn hoá xã, thôn bản, điểm vui chơi giải trí, văn nghệ quần chúng, văn hoá truyền thống và các loại hình câu lạc bộ về văn hoá nông thôn khác được tăng cường. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" khơi dậy tinh thần đoàn kết ở cộng đồng dân cư, bước đầu đã có tác động hiệu quả đến xây dựng đời sống văn hoá ở vùng nông thôn. Gia đình văn hoá, Làng văn hoá được công nhận đảm bảo chất lượng đã có tác động tích cực đến việc xây dựng người nông dân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống; tạo ra bộ mặt nông thôn mới, ổn định về chính trị, từng bước phát triển về kinh tế - văn hoá - xã hội.

- *Thể dục, thể thao*: Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, nâng cao thể lực hàng năm tăng lên; hầu hết các huyện ở nông thôn đã thường xuyên tổ chức Đại hội thể dục thể thao với sự tham gia đông đảo của nhân dân.

Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới

Kinh tế hộ tiếp tục phát triển theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hoá ngành nghề, góp phần chủ yếu tạo tăng trưởng nông nghiệp, thu nhập cho nông dân. Đến năm 2006 cả nước có 10,46 triệu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản (giảm 766 nghìn hộ, giảm 6,8% so với năm 2001). Về quy mô sử dụng đất, bình quân một hộ nông nghiệp sử dụng 0,63 ha đất sản xuất nông nghiệp (tăng 12% so với năm 2001). Thực hiện "đồn điền đổi thửa", số thửa ruộng bình quân/hộ giảm từ 6 thửa xuống còn 4-5 thửa. Nhiều hộ có kinh

nghiệm và sản xuất nông nghiệp có lãi đã thuê, mượn thêm đất sản xuất (năm 2004 có 3,6 % số hộ thuê, mượn đất nông nghiệp, đến năm 2007 đã có 19% số hộ thuê, mượn đất).

Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển theo hướng đa ngành nghề, xuất hiện ngày càng nhiều gia trại, trang trại chăn nuôi, thủy sản đạt hiệu quả kinh tế cao. Đến nay, cả nước có hơn 110 nghìn trang trại, bình quân 1 trang trại có 4,5 ha, vốn 240 triệu đồng, bình quân 3,4 lao động, tỷ suất hàng hoá đạt 95,8%.

Kinh tế hợp tác có chuyển biến tích cực: Tổ hợp tác phát triển nhanh (840 ngàn tổ), hoạt động đa dạng, phù hợp với trình độ của nông dân, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Các HTX chuyển đổi và thành lập mới theo Luật, nhiều HTX đã thực hiện vai trò hỗ trợ kinh tế ngày càng có hiệu quả. Hiện có gần 7 ngàn HTX nông nghiệp, trong đó 84% là HTX chuyển đổi và 16% thành lập mới, năm 2005 có 88,8% số HTX nông nghiệp hoạt động có lãi.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn được tăng cường; vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng được nâng cao; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh, trật tự được giữ vững

Đến nay, các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cấp xã, thị trấn khu vực nông thôn đã cơ bản được kiện toàn, 89% số thôn, bản có tổ chức Đảng, bình quân 30 đảng viên/10.000 dân. Chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng ngày càng được quan tâm, phân loại năm 2006 có 62,7% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh; hầu hết cán bộ chủ chốt cấp xã, thị trấn đạt trình độ văn hoá cấp trung học trở lên; đa số đã qua đào tạo trình độ trung cấp chính trị. Phần lớn các tổ chức Đảng ở cơ sở, các đảng viên phát huy tốt vai trò là hạt nhân giữ vững sự ổn định về tư tưởng chính trị; định hướng, vận động tổ chức nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các đoàn thể quần chúng đang đổi mới phương thức hoạt động, đóng góp tích cực trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông

ng nghiệp và kinh tế nông thôn; các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì cùng với nhiều phong trào khác của các đoàn thể đã góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống, ổn định chính trị, xã hội ở nông thôn.

Do việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ngày càng đi vào nề nếp nên đến năm 2007, có 100% xã, thị trấn đã triển khai và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương. Chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được tổ chức khá đa dạng, với nhiều hình thức phong phú, công khai, minh bạch ở nông thôn. Người dân có điều kiện tham gia, giám sát các hoạt động của chính quyền, tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương đã có tác động mạnh, làm chuyển biến phương thức lãnh đạo, công tác điều hành, quản lý và lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức trong thực thi công vụ đồng thời tăng sự đồng thuận và đoàn kết ở nông thôn.

MỘT SỐ KHÓ KHĂN VÀ TỒN TẠI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội còn yếu kém

Đến nay, khoảng 20% khu dân cư nông thôn có quy hoạch, nhưng chất lượng thấp, quản lý thực hiện yếu kém. Hầu hết làng, xã phát triển tự phát, cảnh quan nông thôn bị phá vỡ, nhiều nét văn hóa bị pha tạp. Quy hoạch phát triển công nghiệp và dịch vụ về nông thôn nhiều nơi thiếu thận trọng, đất trồng cây lương thực có nguy cơ bị sụt giảm nghiêm trọng.

Thủy lợi chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, hiện còn 0,7 triệu ha đất lúa, 50% diện tích cà phê, 80% diện tích rau màu chưa được tưới tiêu chủ động. Chất lượng đường giao thông nông thôn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hoá. Điện nông thôn không đảm bảo cả về chất lượng và số lượng. Không ít cơ sở khám chữa bệnh, trường học còn tạm bợ; nhiều nhà văn hóa không phát huy được chức năng là nơi sinh hoạt cộng đồng.

Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn còn thấp, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng ngày càng lớn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc

Năm 2006 thu nhập bình quân ở nông thôn chỉ bằng 47,8% so với đô thị, chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất với nhóm thấp nhất ở nông thôn là 6,5 lần. Tuy chuẩn nghèo của nước ta còn thấp, nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn vẫn cao, hiện còn 58 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, nhất là ở miền núi phía Bắc (45 huyện), tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số cao gấp 3 lần người Kinh. Xoá đói giảm nghèo chưa thật sự bền vững, có xu hướng chậm lại, nguy cơ tái nghèo còn cao khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra

Tình trạng thiếu việc làm vẫn gay gắt; hệ thống an sinh xã hội chậm được hình thành. Ở nhiều vùng chất lượng khám chữa bệnh, giáo dục còn thấp, hoạt động văn hoá, thể dục thể thao nghèo nàn. Đời sống của một bộ phận lớn nông dân bị thu hồi đất gặp nhiều khó khăn; thu nhập từ sản xuất nông nghiệp không đủ sống, lực lượng lao động vào đô thị kiếm sống ngày càng tăng; một số vùng nông thôn, tệ nạn xã hội gia tăng, dân chủ cơ sở chưa được phát huy đúng mức, an ninh trật tự diễn biến phức tạp. Những vấn đề trên đang tạo ra nhiều bức xúc, bất ổn trong xã hội nông thôn.

Công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn; Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn đổi mới chậm, chưa trợ lực tốt cho sản xuất hàng hoá

Số doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn còn ít và tăng chậm. Rất ít nhà máy trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, phần lớn vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc thú y, bảo vệ thực vật và máy móc nông nghiệp vẫn phải nhập khẩu (năm 2007, nhập khẩu khoảng 5,5 tỷ USD). Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông thôn còn chiếm hơn 40% so với 20% của cả nước, nhiều vùng chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ còn rất chậm, trong giai đoạn 2001-2006, chỉ giảm bình quân gần 2%/năm. Năng suất lao động nông nghiệp còn thấp chỉ bằng khoảng 1/2 của Thái Lan, Indônêxia và Philipin.

Kinh tế hộ đóng vai trò chủ yếu, nhưng phổ biến là quy mô nhỏ (36% hộ có dưới 0,2 ha). Kinh tế trang trại mới chỉ chiếm hơn 1% tổng số hộ nông, lâm, ngư nghiệp của cả nước. Kinh tế tập thể chậm phát triển, nhiều HTX hoạt động hình thức, chưa làm tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng. Đổi mới, sắp xếp nông lâm trường quốc doanh tiến hành chậm, việc rà soát, điều chỉnh quỹ đất đai gặp nhiều vướng mắc. Lao động nông thôn thiếu việc làm. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhiều vào địa bàn nông thôn.

Văn hoá - xã hội ở nông thôn còn nhiều bất cập như: Hệ thống an sinh xã hội yếu kém; Mức hưởng thụ văn hoá của người dân còn thấp, tệ nạn xã hội gia tăng, an ninh trật tự có diễn biến phức tạp; Xã hội nông thôn bị phân hoá, quan hệ cộng đồng bị tổn thương, tính tự động của nông dân ở nhiều nơi còn lớn

Hiện chưa hình thành một hệ thống an sinh xã hội thống nhất và thông suốt cho các vùng nông thôn. Hệ thống hiện hành mới nhằm bù đắp cho những người có công, cứu trợ nhất thời cho những người khó khăn khi có dịch bệnh, thiên tai. Đa số nông dân phải tự lo cho bản thân và gia đình khi gặp khó khăn, rủi ro. Hiện tại mới có khoảng 50% dân cư nông thôn có bảo hiểm y tế, những người còn lại phải tự lo khi bị bệnh ốm đau.

Nếp sống văn hoá chậm hình thành; kết quả đạt được trong xây dựng nếp sống văn hoá chưa bền vững. Thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội vẫn gia tăng. Mức hưởng thụ về văn hoá của nông dân còn thấp, còn có khoảng cách quá xa giữa các vùng miền; sinh hoạt văn hoá cộng đồng còn nghèo nàn, thiếu sức hấp dẫn, thu hút. Sinh hoạt văn hoá ở các vùng nông thôn chủ yếu gồm các sinh hoạt truyền thống. Các hoạt động thể dục thể thao rất ít, chủ yếu dựa vào nhà trường. Tình trạng nghiện ma tuý, tệ nạn mại dâm, cờ bạc có xu hướng phát triển. Một số hủ tục vẫn dai dẳng, thậm chí có nơi trở dậy, nhất là trong ma chay, cưới xin...

Trong nông thôn đang diễn ra sự phân tầng xã hội, sự chênh lệch về điều kiện và mức sống gia tăng trong phạm vi cả nước và mỗi làng, xã. Chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 10%

giàu nhất với 10% nghèo nhất năm 2002 là 12,5 lần, năm 2004 là 13,5 lần. Trong khi đó các mối quan hệ cộng đồng cổ truyền, nhất là quan hệ làng xã - nền tảng xã hội nông thôn ở nhiều nơi bị xói mòn nghiêm trọng. Nhiều quan hệ cộng đồng làng, xã trước đây được sử dụng rất có hiệu quả thì nay đang bị hành chính hoá. Trong khi đó quan hệ dòng họ tiếp tục tồn tại và có nơi trở dậy mạnh mẽ làm méo mó các mối quan hệ ở nhiều vùng nông thôn.

Cho tới nay chưa có chiến lược về phát triển giai cấp nông dân. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn còn mang tính tự phát và thiếu sự chuẩn bị. Chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với yêu cầu CNH, HĐH, nhất là ở vùng cao, vùng xa. Việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của nông dân nhiều nơi chưa được quan tâm thường xuyên đúng mức. Nhiều nơi quyền lợi của nông dân không được đảm bảo (phải đóng góp nhiều, bị thua thiệt khi bị thu hồi đất, việc thực thi dân chủ chưa được đảm bảo). Tình trạng nghèo khó, chênh lệch thu nhập và cuộc sống, những tiêu cực trong cuộc sống, nhất là tình trạng tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, thoái hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm ảnh hưởng, thậm chí xói mòn niềm tin của một bộ phận nông dân.

Môi trường ngày càng ô nhiễm, năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai thấp.

Phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn thường tập trung vào tối đa hoá lợi nhuận kinh tế, không quan tâm đúng mức tới môi trường đã gây suy thoái nghiêm trọng, bệnh dịch phát sinh trên diện rộng đang đặt ra thách thức lớn đối với sự nghiệp phát triển nông thôn bền vững. Môi trường ở nhiều vùng nông thôn ngày càng bị ô nhiễm, chủ yếu do chất thải sinh hoạt, chăn nuôi, nông được. Hầu hết các vùng ven đô thị, khu công nghiệp bị ảnh hưởng ngày càng trầm trọng. Nhiều làng nghề bị ô nhiễm nặng nề. Trong khi đó mới chỉ có 33% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 74,7% hộ có nhà tắm, 12,2% xã có công trình thoát nước; 28,4% xã có tổ chức thu gom rác thải.

Cùng với sự biến đổi của khí hậu toàn cầu, thiên tai có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ, đe dọa nghiêm trọng sự phát triển bền vững của mọi vùng trong cả nước.

Trong 10 năm (1995-2005), bình quân mỗi năm nước ta phải chịu 7 cơn bão, 5 trận lũ, làm mất tích và chết 800 người, thiệt hại vật chất 5.000 tỷ đồng. Riêng năm 2007, mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực phòng chống, thiên tai trên diện rộng đã làm chết 462 người, thiệt hại 11.514 tỷ đồng, gần bằng 1% GDP. Tuy vậy, năng lực phòng chống còn rất hạn chế. Hệ thống cảnh báo còn nhiều yếu kém, nhất là với sóng thần, lũ quét, sạt lở núi. Hệ thống thông tin chưa thông suốt, nhất là với ngư dân trên biển, người dân ở các vùng sâu, vùng xa. Cơ sở hạ tầng còn thấp kém, nhiều công trình xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phòng chống gió bão, lũ. Hầu hết các vùng thiếu phương tiện cứu hộ, cứu nạn trong bão lũ, nhất là khi có thảm họa lớn

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa là một trong những giải pháp lớn thực hiện Nghị quyết T.Ư 5 (khóa VIII) với mục đích xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hưởng ứng phong trào này, hầu hết các địa phương đã quan tâm chỉ đạo và được nhân dân đồng tình ủng hộ, phong trào này được xem là cuộc vận động chính trị - xã hội góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của các địa phương. Đến năm 2008, cả nước có 14/17 triệu gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 80,67%, trong đó có 534 ngàn gia đình văn hóa tiêu biểu được biểu dương tại các Hội nghị gia đình văn hóa tiêu biểu các cấp. 42/87 ngàn làng đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 47,87%, trong đó có hơn 7 ngàn làng văn hóa tiêu biểu được khen thưởng ở các cấp. Đã có 3.663 xã, 37.124 thôn (ấp) có nhà văn hóa; gần 3 triệu câu lạc bộ các loại hình, 7 ngàn tổ, đội văn nghệ quần chúng. 70/90 nghìn khu dân cư được đánh giá là thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Thông qua phong trào, các hoạt động "uống nước nhớ nguồn", "lá lành đùm lá rách", "nông dân sản xuất giỏi giúp nhau xóa đói giảm nghèo", "thanh niên lập nghiệp", "tổ phụ nữ tiết kiệm" và hoạt động

nhân đạo đã huy động hàng trăm tỷ đồng góp phần giải quyết xóa nhà tạm cho các đối tượng chính sách, và tinh thần này càng thể hiện rõ nét tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng gặp phải thiên tai.

Bên cạnh những kết quả rất to lớn mà phong trào đã đạt được, còn một số mặt hạn chế: Phong trào triển khai chưa đồng đều ở các vùng, nhiều phong trào có kết quả tốt ban đầu nhưng còn thiếu tính bền vững, nhiều quy định, quy ước về nếp sống văn hóa chưa được tự giác thực hiện, chưa tạo ra được những chuyển biến rõ nét, vững chắc trong đời sống tinh thần của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII): "...Làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng trên địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực và quan hệ con người...".

Thực hiện quy chế dân chủ và cải cách thủ tục hành chính ở cơ sở

Cuộc vận động chính trị này được khởi động từ năm 1997 và đã được triển khai rộng rãi ở tất cả các xã trong cả nước. Theo đó: Việc huy động các khoản đóng góp của dân vào việc của làng, của xã đều được bàn bạc rộng rãi trong cộng đồng thôn hoặc HỌND xã. Hơn 95% xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc công khai các thủ tục hành chính, các khoản phí, lệ phí, đóng góp của dân, công khai các phương án sản xuất, các công trình xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn có vốn dân góp đều được cộng đồng cử Ban giám sát hoặc Ban Thanh tra nhân dân giám sát chất lượng và chi tiêu.

Do đó đã được sự đồng thuận trong việc huy động nội lực xây dựng nông thôn, chất lượng các công trình được nâng lên, mâu thuẫn trong nội bộ nông dân giảm hẳn, việc khiếu kiện đông người, tràn lan như thời gian trước được khắc phục. Người dân có niềm tin và tích cực tham gia hơn vào công cuộc cải cách ở nông thôn.

Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn gắn liền với quá trình cải cách thủ tục hành chính cấp xã, phường. Theo đó, việc giải quyết các thủ tục hành chính như cấp giấy phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, địa

chính, hộ tịch, hộ khẩu, công chứng; chế độ cho các đối tượng chính sách đã được công khai hoá. Nhiều thủ tục đã được giải quyết nhanh, gọn, giảm bớt phiền hà cho nhân dân, được nhân dân đồng tình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hiện vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cần phải khắc phục như việc thực hiện quy chế dân chủ gắn với cải cách thủ tục hành chính còn thiếu đồng bộ; Nhiều thủ tục hành chính còn rườm rà, bệnh giầy tờ chưa giảm, làm phiền hà cho dân phải đi lại nhiều lần trong khi đó một số công chức cơ sở còn nhũng nhiễu dân; một số nơi chưa hình thành được cơ chế giám sát của người dân...

Chương trình phát triển nông thôn mới cấp xã

Chương trình phát triển nông thôn mới cấp xã đã được triển khai tại 14 xã điểm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tăng lên 18 xã trong năm 2004) và khoảng 200 xã điểm của các địa phương. Chương trình phát triển nông thôn mới cấp xã bao gồm 5 nội dung cơ bản: phát triển kinh tế hàng hoá với một cơ chế phù hợp khai thác được lợi thế của địa phương, có thị trường tiêu thụ; phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với nền nông nghiệp hàng hoá đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá; xây dựng khu dân cư văn minh; tăng cường công tác văn hoá, y tế, giáo dục trong nông thôn và xây dựng đội ngũ cán bộ; tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, phát huy vai trò của cán bộ tổ chức quần chúng, thực hiện tập trung dân chủ.

Chương trình phát triển nông thôn cấp xã đã triển khai được một số hoạt động như đào tạo cho cán bộ các xã điểm, triển khai qui hoạch cho 18 xã điểm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lồng ghép các chương trình, dự án về khuyến nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho 18 xã điểm. Nhờ vậy, cơ sở hạ tầng và bộ mặt nông thôn của các xã điểm đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều hệ thống nước sạch, xử lý nước thải đã hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp và nhất là ngành nghề có hiệu quả cao hơn, sản phẩm làm ra cạnh tranh được trên địa bàn trong nước cũng như quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, mô hình phát triển nông thôn cấp xã đã bộc lộ

một số tồn tại: *Kế hoạch xây dựng mô hình đòi hỏi nhu cầu vốn rất lớn lại không có nguồn lực đảm bảo nên hầu hết các mô hình cấp xã đều không có tính khả thi. Mặt khác mô hình được xây dựng theo dạng dự án đầu tư phát triển nên cán bộ và người dân ở "điểm" có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước mà chưa huy động được nguồn lực của người dân và cộng đồng nên chưa mang tính xã hội sâu sắc và vì vậy thiếu tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; Đội ngũ cán bộ xã tuy có được đào tạo, nhưng nội dung đào tạo chưa đủ tầm, tình trạng phổ biến là chưa nắm vững yêu cầu và phương pháp triển khai dự án; Bộ máy tổ chức chỉ đạo triển khai chương trình không được hình thành thống nhất, đồng bộ từ cấp trung ương xuống các địa phương, không phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, các cấp chính quyền trong việc tổ chức chỉ đạo, triển khai, theo dõi và đánh giá chương trình nên rời rạc và hiệu quả thấp.*

Phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Phong trào này được khởi động đầu năm 2000 và nhanh chóng lan rộng ra các vùng quê trong cả nước hướng vào kiên cố hoá giao thông, điện, kênh mương nội đồng, trường học, trạm xá, trụ sở UBND, nhà văn hoá thôn, xã... Nhiều tỉnh áp dụng phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đã có chính sách hỗ trợ thích hợp với các công trình như hỗ trợ từ 10-50% giá trị công trình bằng xi măng hoặc vật liệu xây dựng khác. Phong trào đã thu hút sự tham gia đóng góp tích cực của người dân vào cải tạo điều kiện sống và sản xuất ở nông thôn. Bộ mặt nông thôn được đổi thay nhanh chóng. Tuy nhiên, phong trào này cũng tồn tại một số hạn chế đó là:

- Cơ sở hạ tầng phần lớn do cộng đồng tự thiết kế, xây dựng thường không tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của nhà nước nên phổ biến là chất lượng thấp, không đáp ứng yêu cầu bền vững.

- Huy động quá mức sự đóng góp của người dân và cộng đồng nên gây phản ứng tiêu cực trong bộ phận nhân dân.

Đề án thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới cấp thôn, bản

Năm 2007, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thí điểm Đề án Xây dựng

Nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận mới “*dựa vào nội lực và do cộng đồng làm chủ*”. Đề án thí điểm này được triển khai ở 15 thôn tại 14 tỉnh đại diện cho các vùng kinh tế văn hoá khác nhau. Nội dung chủ yếu gồm: Đào tạo nâng cao năng lực phát triển cộng đồng; Nâng cấp điều kiện sống cho người dân nông thôn; Hỗ trợ người dân phát triển sản xuất hàng hoá nông nghiệp, dịch vụ nông thôn để nâng cao thu nhập và phát triển mỗi làng một nghề.

Qua việc sơ kết xây dựng mô hình nông thôn mới sau 2 năm thực hiện, đề án xây dựng mô hình nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đạt được 6 nội dung:

+ *Đã hình thành được 15 mô hình thực tiễn về xây dựng nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận mới từ cộng đồng và do cộng đồng làm chủ.*

+ *Bước đầu thay đổi được nhận thức của cán bộ cơ sở và người dân trong việc xác định nội dung xây dựng nông thôn mới, các bước công việc phải làm và trình tự tiến hành, cách thức huy động nội lực tại chỗ cho xây dựng nông thôn mới;*

+ *Đã hình thành được tổ chức của người dân (Ban phát triển thôn bản), là đại diện của cộng đồng dân cư thôn, bản để tự chủ trong việc bàn bạc, lựa chọn, quyết định các nội dung xây dựng nông thôn mới và cuộc sống trên địa bàn của họ.*

+ *Khơi dậy ý thức tự chủ, sáng tạo của người dân trong phát huy nội lực xây dựng nông thôn mới, không ỷ lại vào trợ giúp bên ngoài.*

+ *Xác định rõ hơn nội dung, phương pháp, cách làm, mối quan hệ phối hợp giữa các cấp trong xây dựng mô hình nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận từ cộng đồng thôn, bản.*

Tuy mô hình chưa hoàn thiện, nhưng đã thu hút sự quan tâm của nhiều địa phương tổ chức xây dựng thêm mô hình nông thôn mới ở địa phương (ngoài 15 mô hình thí điểm của Bộ). Tuy vậy, còn một số tồn tại:

+ *Nhận thức của các ngành, các cấp ở một số địa phương về xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ, chưa đúng với chủ trương của Đề án.*

+ *Thiếu lực lượng tư vấn chuyên nghiệp về xây dựng nông thôn theo phương pháp tiếp cận mới nên cán bộ và người dân cơ sở rất lúng túng khi thực hiện. Kế hoạch của Ban phát triển thôn, bản phải sửa đổi nhiều lần làm chậm tiến độ thực hiện Đề án.*

+ *Chưa có cơ chế tài chính riêng để thực hiện mô hình nên đã gây ra rất nhiều khó khăn cho cơ sở trong việc tiếp nhận vốn ngân sách.*

Tóm lại: Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ chiến lược đảm bảo thực hiện thành công đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu nỗ lực to lớn của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị, sự tham gia của cả xã hội. Với quyết tâm cao, với thể và lực mới của đất nước, nhất định Đảng và Nhà nước ta sẽ lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra đáp ứng mong đợi và củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội XHCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban chỉ đạo xây dựng Đề án: “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, Tờ trình Bộ Chính trị, Hà Nội tháng 6/2008.
- [2]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Đề án: Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội, 5/2009.
- [3]. Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, *Đề án chương trình “Xây dựng mô hình nông thôn mới Thành phố Hà Nội”*, Hà Nội, 3/2009.
- [4]. Nguyễn Trung Dũng, *Phát triển tổng hợp bền vững không gian nông thôn – Hướng tới một làng quê thuần Việt trong thế kỷ 21*, Hà Nội, 6/2009.
- [5]. Đặng Kim Sơn, Vũ Trọng Bình, “*Một số lý luận về phát triển nông thôn*”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* số 8/2007.
- [6]. Nguyễn Văn Thường và Nguyễn Kế Tuấn, (2007), *Kinh tế Việt Nam năm 2006 – Chất lượng tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Văn Thường và Nguyễn Kế Tuấn, (2008), *Kinh tế Việt Nam năm 2007 – Năm đầu tiên gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [8]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, (2004), *Một số vấn đề kinh tế – xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.